

**Mô đun ngõ vào**  
**CTSL-D-16E-M12-5**  
Số bộ phận: 1387359

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                              | Giá trị                                                          |
|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| Giao thức                             | I-Port<br>Kết nối IO-Link                                        |
| Kích thước B x L x H                  | 143 mm x 103 mm x 32 mm                                          |
| Kiểu gắn                              | với lỗ xuyên<br>với ray DIN<br>tùy ý:                            |
| trọng lượng sản phẩm                  | 250 g                                                            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -5 °C...50 °C                                                    |
| Nhiệt độ bảo quản                     | -20 °C...70 °C                                                   |
| Mức độ bảo vệ                         | IP65<br>IP67                                                     |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                           |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B2-L                                                   |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU              |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS            |
| Dấu hiệu KC                           | KC-EMV                                                           |
| Giấy phép                             | Dấu RCM<br>c UL us - Listed (OL)                                 |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                 | UL E239998                                                       |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                    |
| Vật liệu vỏ                           | PA gia cố                                                        |
| Vật liệu phủ                          | PA gia cố                                                        |
| Màn hình LED cụ thể theo sản phẩm     | Điện áp hoạt động 1 PS<br>Trạng thái kênh 16<br>2 nhóm chẩn đoán |
| Màn hình LED dành riêng cho bus       | X20: I-Port / IO-Link                                            |
| Số lượng đầu vào tối đa               | 16                                                               |
| tốc độ truyền                         | 38,4 kbit/s, 230,4 kbit/s                                        |
| Cổng nối điện                         | 5 chân<br>Ổ cắm 8x<br>M12                                        |
| Dải điện áp hoạt động DC              | 18 V...30 V                                                      |

| Đặc tính                                                  | Giá trị                                                         |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Điện áp hoạt động danh định DC                            | 24 V                                                            |
| Tiêu thụ hiện tại ở mức logic điện áp hoạt động danh định | 35 mA                                                           |
| Chống phân cực                                            | cho điện áp hoạt động                                           |
| Đường đặc trưng đầu vào                                   | IEC1131-T2                                                      |
| Mức chuyển đổi                                            | Tín hiệu 0: $\leq 5\text{ V}$<br>Tín hiệu 1: $\geq 11\text{ V}$ |
| chuyển đổi đầu vào logic                                  | PNP (chuyển mạch dương)                                         |
| Thời gian gỡ lỗi đầu vào                                  | 0,5 ms (3 ms, 10 ms, 20 ms có thể tham số hóa)                  |
| Tổng dòng điện tối đa trên mỗi mô-đun                     | 1.2 A                                                           |
| Cách ly điện kênh - kênh                                  | không                                                           |
| Cầu chì (Ngắt mạch)                                       | cầu chì điện nội bộ cho mỗi nhóm                                |
| IO-Link, công nghệ kết nối                                | Thiết bị 5 chân                                                 |
| IO-Link, số lượng cổng                                    | 1                                                               |
| IO-Link, Port class                                       | B                                                               |
| IO-Link, phiên bản giao thức                              | Thiết bị V 1.0                                                  |
| IO-Link, Communication mode                               | COM2 (38,4 kBaud), COM3 (230,4 kBaud)                           |
| IO-Link, xử lý độ rộng dữ liệu IN                         | 2 Byte                                                          |
| IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu                       | Thiết bị 3,2 ms                                                 |